ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:**426**/TB-ĐHQT

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày* **12** *tháng* **8** *năm 2024*

# THÔNG BÁO SỐ 1
## V/v khám sức khỏe sinh viên năm 2024

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy chế Công tác Sinh viên đối với chương trình Đào tạo Đại học hệ Chính quy;

Căn cứ Thông tư số 33/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ Y tế về quy định công tác y tế trường học trong cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế Quy định chi tiết một số điều Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quy chế CTSV của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 953/ĐHQG-CTSV ngày 15/7/2019 của Giám đốc ĐHQG-HCM;

Trường Đại học Quốc tế (ĐHQT) thông báo đến toàn thể sinh viên (SV) các nội dung liên quan đến việc khám sức khỏe định kỳ như sau:

**1. Đối tượng khám theo quy định:**

- Toàn thể SV trường ĐHQT thực hiện việc khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm.

**2. Quy trình khám sức khỏe:**

| Stt | 2.1. SV đăng ký khám tại một trong các bệnh viện đăng cai tổ chức khám sức khỏe với trường ĐHQT | 2.2. SV tự túc khám sức khỏe |
|---|---|---|
| Bước 1 | SV đăng ký thông tin tại mã QR (1) đến hết ngày 30/8/2024 (thứ Sáu). | SV đăng ký thông tin tại mã QR (1) đến hết ngày 30/8/2024 (thứ Sáu). |
| Bước 2 | SV trực tiếp thanh toán và khám theo đúng quy trình, hướng dẫn của bệnh viện mình đăng ký. | SV tự túc khám sức khỏe với các hạng mục theo quy định tại Mẫu số 1- Phụ lục XXIV, Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế. |
| Bước 3 | | SV điền thông tin kết quả khám sức khỏe tại mã QR (2) đến hết ngày 27/9/2024 (thứ Sáu). |
| Bước 4 | | SV nộp bản gốc kết quả có xác nhận của bệnh viện trực tiếp về phòng CTSV (O1-105) đến hết ngày 27/9/2024 (thứ Sáu). |

***Lưu ý:** Đối với SV khám tự túc, vui lòng điền đầy đủ thông tin vào biểu mẫu để nhà trường có thể nắm thông tin.

**3. Thời gian tổ chức khám (dành cho sinh viên tại mục 2.1):**

- Dự kiến từ tháng 9/2024 đến tháng 11/2024 và sẽ được thông báo sau.

**4. Đơn vị đăng cai tổ chức khám sức khỏe với trường ĐHQT và Đơn giá khám:**

| Stt | Bệnh viện đăng cai với trường ĐHQT | Đơn giá khám đăng ký tại trường ĐHQT (đ/SV) **Áp dụng cho số lượng đăng ký đạt từ 500 SV* | Đơn giá khám đăng ký tại bệnh viện (đ/SV) |
|---|---|---|---|
| 1 | Bệnh viện Đa khoa khu vực Thủ Đức | 290,000đ/SV (Nam/Nữ) | 413,000đ/SV (Nam/Nữ) |
| 2 | Bệnh viện Lê Văn Thịnh | 290,000đ/SV (Nam/Nữ) | 684,000đ/SV (Nam/Nữ) |
| 3 | Bệnh viện Hoàn Mỹ Thủ Đức | 585,000đ/SV Nam<br>615,000đ/ SV Nữ | 1,285,000đ/SV Nam<br>1,375,000đ/SV Nữ |
| 4 | Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Sài Gòn | 762,000đ/ SV Nam<br>942,000đ/ SV Nữ | 1,020,000đ/SV Nam<br>1,420,000đ/ SV Nữ |

*Nội dung khám bao gồm: khám thể lực, khám lâm sàng và khám cận lâm sàng theo quy định tại Mẫu số 1- Phụ lục XXIV, Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.*

Đề nghị sinh viên thực hiện nghiêm túc tinh thần thông báo này.

Thân mến./.

***Nơi nhận:***
- SV trường ĐHQT (để thực hiện);
- Lưu: VT, CTSV.

***Đính kèm:***
- Báo giá các đơn vị;
- Mã QR biểu mẫu đăng ký và cập nhật kết quả khám;
- Mẫu số 1- Phụ lục XXIV tại TT số 32/2023/TT-BYT của Bộ Y tế.

**TL. HIỆU TRƯỞNG**
**TRƯỞNG PHÒNG**
**PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN**

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

**Đào Thị Kim Oanh**

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Phụ lục**
**MÃ QR ĐĂNG KÝ VÀ CẬP NHẬT KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHỎE**
*(Kèm theo Thông báo số 426/TB-ĐHQT ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế)*

1. **Mã QR (1):** đăng ký khám sức khỏe:

2. **Mã QR (2):** cập nhật kết quả khám sức khỏe dành cho SV tự túc khám sức khỏe:

**Phụ lục số XXIV**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

**Mẫu số 1.**

MẪU GIẤY KHÁM SỨC KHỎE DÙNG CHO NGƯỜI TỪ ĐỦ 18 TUỔI TRỞ LÊN

| | |
|---|---|
| ..... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| ..... | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| ------- | ---------- |

Số: ...../GKSK-.....

## GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

| |
|---|
| Ảnh (4 x 6 cm) (đóng dấu ráp lai hoặc Scan ảnh |

1. Họ và tên *(viết chữ in hoa)*: .....
2. Giới tính: Nam □ Nữ □
3. Sinh Ngày tháng năm (Tuổi:.....)
4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD : .....
5. Cấp ngày...../.../..... Tại.....
6. Chỗ ở hiện tại:.....

*** Lưu ý:** Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Lý do khám sức khỏe:.....

## TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

**1. Tiền sử gia đình:**

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không □ b) Có □ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

**2. Tiền sử bản thân:** Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

| TT | Tên bệnh, tật | Có | Không | STT | Tên bệnh, tật | Có | Không |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua | □ | □ | 12 | Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết | □ | □ |
| 2 | Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu | □ | □ | 13 | Bệnh tâm thần | □ | □ |
| 3 | Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc) | □ | □ | 14 | Mất ý thức, rối loạn ý thức | □ | □ |
| 4 | Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng | □ | □ | 15 | Ngất, chóng mặt | □ | □ |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác | ☐ | ☐ | 16 | Bệnh tiêu hóa | ☐ | ☐ |
| 6 | Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt slent mạch, ghép tim) | ☐ | ☐ | 17 | Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to | ☐ | ☐ |
| 7 | Tăng huyết áp | ☐ | ☐ | 18 | Tai biến mạch máu não hoặc liệt | ☐ | ☐ |
| 8 | Khó thở | ☐ | ☐ | 19 | Bệnh hoặc tổn thương cột sống | ☐ | ☐ |
| 9 | Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính | ☐ | ☐ | 20 | Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục | ☐ | ☐ |
| 10 | Bệnh thận, lọc máu | ☐ | ☐ | 21 | Sử dụng ma túy và chất gây nghiện | ☐ | ☐ |
| 11 | Nghiện rượu, bia | ☐ | ☐ | 22 | Bệnhh khác (ghi rõ) ..... | ☐ | ☐ |

**3. Câu hỏi khác (nếu có):**

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....

.....

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ): .....

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

..... *ngày* ..... *tháng*.....*năm*.....

**Người đề nghị khám sức khỏe**

*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

## I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: .....cm; - Cân nặng: ..... kg; - Chỉ số BMI: .....

- Mạch: .....lần/phút; - Huyết áp:...../..... mmHg

Phân loại thể lực:.....

## II. KHÁM LÂM SÀNG

| Nội dung khám | | | Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa |
|---|---|---|---|
| **1.** | **Nội khoa** | | |
| a) | *Tuần hoàn* | | |
| | Phân loại | | |
| b) | *Hô hấp* | | |
| | Phân loại | | |
| c) | *Tiêu hóa* | | |
| | Phân loại | | |
| d) | *Thận-Tiết niệu* | | |
| | Phân loại | | |
| đ) | *Nội tiết* | | |
| | Phân loại | | |
| e) | *Cơ - xương - khớp* | | |
| | Phân loại | | |
| g) | *Thần kinh* | | |
| | Phân loại | | |
| h) | *Tâm thần* | | |
| | Phân loại | | |
| **2.** | **Ngoại khoa, Da liễu:**<br>*- Ngoại khoa:*<br>*Phân loại:*<br>*- Da liễu:*<br>Phân loại: | | |
| **3.** | **Sản phụ khoa:**<br>.....<br>Phân loại:<br>..... | | |

| | | |
|---|---|---|
| **4.** | **Mắt:** | |
| *Kết quả khám thị lực:* Không kính: Mắt phải..... Mắt trái.....<br>Có kính: Mắt phải..... Mắt trái..... | | |
| *Các bệnh về mắt (nếu có):* | | |
| Phân loại: | | |
| **5.** | **Tai - Mũi - Họng** | |
| *Kết quả khám thính lực:*<br>Tai trái: Nói thường..... m; Nói thầm..... m<br>Tai phải: Nói thường..... m; Nói thầm..... m | | |
| *Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):* | | |
| Phân loại: | | |
| **6.** | **Răng - Hàm - Mặt** | |
| *Kết quả khám:* Hàm trên:<br>.....<br>Hàm dưới:<br>..... | | |
| *Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):* | | |
| Phân loại | | |

**III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG**

| **Nội dung khám** | **Họ tên, chữ ký của Bác sỹ** |
|---|---|
| **1. Xét nghiệm máu:**<br>a) Công thức máu:<br>Số lượng HC: .....<br>Số lượng Bạch cầu: .....<br>Số lượng tiểu cầu: .....<br>b) Sinh hóa máu: Đường máu: .....<br>Urê:..... Creatinin: .....<br>ASAT(GOT):..... ALAT (GPT): | |

| | |
|---|---|
| **2. Xét nghiệm nước tiểu:**<br>a) Đường: .....<br>b) Protein: .....<br>c) Khác (nếu có): ..... | |
| **3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):**<br>.....<br>.....<br>..... | |

**IV. KẾT LUẬN**

**1. Phân loại sức khỏe:**.....

**2. Các bệnh, tật (nếu có):** .....

.....

*.....ngày..... tháng..... năm.....*

**NGƯỜI KẾT LUẬN**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

BỆNH VIỆN ĐA KHOA
KHU VỰC THỦ ĐỨC

64 LÊ VĂN CHÍ, PHƯỜNG LINH TRUNG, TP THỦ ĐỨC, TP.HỒ CHÍ MINH
Website: www.benhvienkhuvucthuduc.vn ĐT: (028)3722.3556

**Kính gửi: Trường Đại học Quốc Tế**

Bệnh viện Đa khoa Khu vực Thủ Đức trân trọng báo giá dịch vụ khám sức khỏe 2024 cho sinh viên như sau:

| Stt | Danh mục khám | Đơn giá (vnđ) | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | |
| Khám | Khám tổng quát (Nội, ngoại tổng quát, Mắt, Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt, Da Liễu) | 65,000 | 65,000 | Khám, tư vấn tổng quát 7 chuyên khoa, Chiều cao, Cân nặng, Huyết áp, đo chỉ số khối cơ thể BMI) |
| | Khám và tư vấn phụ khoa | | Miễn phí | |
| Xét nghiệm | Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser) | 45,000 | 45,000 | Phát hiện các bệnh lý về máu và cơ quan tạo máu: thiếu máu, suy tủy, ung thư máu; sốt do nhiễm trùng, sốt do virut (sốt xuất huyết…) |
| | Đường huyết đói | 20,000 | 20,000 | Đánh giá lượng đường trong máu, phát hiện sớm bệnh lý đái tháo đường |
| | ALT - AST | 40,000 | 40,000 | Đánh giá chức năng gan |
| | Ure - Creatinin | 40,000 | 40,000 | Đánh giá chức năng thận |
| | Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động) | 24,000 | 24,000 | Các bệnh đái tháo đường, nhiễm xetonic, đái nhạt, bệnh gan, thận, bệnh viêm tắc đường tiết niệu, đái máu… |
| CĐHA | Chụp Xquang ngực thẳng | 56,000 | 56,000 | Phát hiện bất thường về tim, phổi |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| **Hồ sơ** | Hồ sơ khám | 0 | 0 | |
| | Tổng hợp kết quả | 0 | 0 | |
| | **Tổng cộng** | **290,000** | **290,000** | |

***Đơn giá trên đã bao gồm VAT***

SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
**BỆNH VIỆN LÊ VĂN THỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*TP.Thủ Đức, ngày 22 tháng 5 năm 2024*

# BÁO GIÁ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

**Báo giá hỗ trợ cho sinh viên trường**

Kính gửi: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ**

Bệnh viện Lê Văn Thịnh xin gửi lời chào trân trọng và lời cảm ơn đến Quý trường đã lựa chọn chúng tôi là đơn vị y tế cung cấp dịch vụ khám sức khỏe định kỳ cho sinh viên.

Chúng tôi báo giá gói khám sức khỏe hỗ trợ cho sinh viên trường Đại Học Quốc Tế 2024 theo gói khám TT32/2023/TT – BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

| STT | NỘI DUNG KHÁM | ĐƠN GIÁ | | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | |
| **I** | **Khám tổng quát** | | | |
| 1 | - Đo Chiều cao, Cân nặng, Đo Huyết áp, Mạch, Chỉ số BMI.<br>- Khám chuyên khoa Mắt.<br>- Khám chuyên khoa Tai - Mũi–Họng.<br>- Khám chuyên khoa Răng - Hàm–Mặt.<br>- Khám chuyên khoa Nội tổng hợp.<br>- Khám chuyên khoa Ngoại tổng quát.<br>- Khám chuyên khoa Da liễu.<br>- Khám chuyên khoa Phụ khoa (dành cho nữ). | 50.000 | 50.000 | |
| **II** | **Xét nghiệm** | | | |
| 1 | Công thức máu – Phát hiện thiếu máu | 50.000 | 50.000 | |
| 2 | Đường đói Glucose – Phát hiện đái tháo đường . | 25.000 | 25.000 | |
| 3 | Creatinine + Urea – Đánh giá chức năng thận | 45.000 | 45.000 | |
| 4 | GOT/ASAT, GPT/ALAT– Đánh giá chức năng gan | 45.000 | 45.000 | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 5 | Tổng phân tích nước tiểu 10 thông số | 30.000 | 30.000 | |
| **III** | **Chẩn đoán hình ảnh** | | | |
| 1 | XQ tim phổi thẳng kts – In giấy, in phim với những trường hợp bất thường | 45.000 | 45.000 | |
| **TỔNG CỘNG GÓI KHÁM** | | **290.000** | **290.000** | |

Báo giá trên đã bao gồm thuế VAT 0%, có thời hạn trong vòng 06 tháng, kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2024.

Bệnh viện Lê Văn Thịnh hân hạnh được hợp tác cùng Quý đơn vị về việc chăm sóc sức khỏe cho sinh viên. Kính chúc Quý trường luôn phát đạt và thịnh vượng. Rất mong được sự phản hồi thông tin từ Quý đơn vị.
Trân trọng kính chào!
**Mọi chi tiết liên hệ:**

Địa chỉ: 130 - Lê Văn Thịnh, Phường Bình Trưng Tây, TP. Thủ Đức.
Email: ksknv.bvlvt@gmail.com

Bệnh Viện Hoàn Mỹ Thủ Đức

Bệnh viện Hoàn Mỹ Thủ Đức
241 Quốc lộ 1K, P. Linh Xuân,
TP. Thủ Đức, TP.HCM

E: bvhoanmythuduc@hoanmy.com
T: 1900 0119 - (+84) 2873 062 062
W: www.hoanmythuduc.com

# BÁO GIÁ DỊCH VỤ
# KHÁM SỨC KHOẺ ĐỊNH KỲ NĂM 2024

**Tp Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 05 năm 2024**

**Kính gửi: TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ**

*Xin cảm ơn Quý Khách hàng đã liên hệ Bệnh viện về dịch vụ khám sức khoẻ định kỳ doanh nghiệp. Căn cứ yêu cầu của quý Khách hàng, Bệnh viện đa khoa Quốc Tế Hoàn Mỹ Thủ Đức xin gửi báo giá theo nội dung danh mục yêu cầu:*

| Stt | Danh mục khám | Đơn Giá (VNĐ) | Nam | Nữ Độc Thân |
|---|---|---|---|---|
| No. | Health Check-up Items | Unit Price (VND) | Male | Un-married female |
| Khám | Khám tổng quát (Nội, ngoại tổng quát, Mắt, Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt, Da Liễu<br>–<br>General Examination (Internal Medicine, General Surgery, Ophthalmology, ENT, Oral, Maxillofacial & Dental, Dermatology) | **180,000** | 180,000 | 180,000 |
| Xét nghiệm | Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser) | **74,000** | 74,000 | 74,000 |
| | Xét nghiệm đường huyết đói [Máu]<br>-<br>Fasting Glucose | **38,000** | 38,000 | 38,000 |
| | Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu] | **42,000** | 42,000 | 42,000 |
| | Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu] | **42,000** | 42,000 | 42,000 |
| | Định lượng Urê máu [Máu] | **34,000** | 34,000 | 34,000 |
| | Định lượng Creatinin (máu) | **34,000** | 34,000 | 34,000 |
| | Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động) | **42,000** | 42,000 | 42,000 |
| CĐHA | Chụp Xquang ngực thẳng | **99,000** | 99,000 | 99,000 |
| Phụ khoa | Khám phụ khoa | **30,000** | | 30,000 |
| **THÀNH TIỀN** | | | **585,000** | **615,000** |

BỆNH VIỆN TAI MŨI HỌNG SÀI GÒN
Y ĐỨC - CHẤT LƯỢNG - TRẦN THIỆN
THÀNH LẬP TỪ NĂM 2007

HỆ THỐNG ĐA KHOA QUỐC TẾ SÀI GÒN

CTY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA
QUỐC TẾ SÀI GÒN
Số 9-11-13-15 Trịnh Văn Cấn, P.Cầu Ông Lãnh, Q.1
MST: 0309489812 ĐT: 028 3821 3456
Email: info@taimuihongsg.com

# GÓI KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ DOANH NGHIỆP 2024
# CORPORATE HEALTH EXAMINATION PACKAGES

***To: Trường Đại học Quốc Tế - Đại học Quốc gia TP.HCM***

***BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ SÀI GÒN** xin trân trọng gửi đến Quý Công Ty*
***Bảng giá dịch vụ Khám Sức Khỏe Định Kỳ Chương Trình Khám Sức Khỏe Định Kỳ như sau:***

**Giá khám khám ngoại viện*

| STT<br>*Items* | Danh mục Khám<br>*Services* | *Diễn giải Danh mục* | Nam<br>*(Males)* | Nữ<br>*(Females)* |
|---|---|---|---|---|
| **Đo chỉ số Sinh hiệu cơ thể - Vital Signs Measurement** | | | | |
| 1 | **Đo chỉ số Sinh hiệu cơ thể**<br>Measuring Vital signs | Đo mạch, huyết áp, chiều cao, cân nặng, chỉ số BMI | *Tặng kèm* | *Tặng kèm* |
| 2 | **Khai thác bệnh sử**<br>Medical History | Bác sĩ khai thác lịch sử bệnh lý của khách hàng và gia đình | *Tặng kèm* | *Tặng kèm* |
| **Khám và Tư vấn bệnh lý - Clinical Consultation and Examination** | | | | |
| 3 | **Khám Nội Ngoại Tổng quát**<br>General Exam. | Khám, kiểm tra hoạt động các hệ cơ quan và tư vấn hướng điều trị (nếu có) | **500,000** | **500,000** |
| 4 | **Khám Nội soi Tai Mũi Họng (Có hình)**<br>Endoscopic ENT Exam. | Khám nội soi đường Tai - Mũi - Họng và Tư vấn hướng điều trị bệnh lý bằng nội khoa hoặc ngoại khoa (nếu có) | **200,000** | **200,000** |
| 5 | **Khám Mắt bằng Sinh hiển vi**<br>Ophthalmology Exam. | Khám mắt và đo thị lực, soi đáy mắt, đo áp lực nội nhãn và Tư vấn hướng điều trị bệnh lý vùng Mắt | *Tặng kèm* | *Tặng kèm* |
| 6 | **Khám Răng Hàm Mặt**<br>Dental Exam. | Khám và Tư vấn về cấu trúc Răng miệng, các bệnh lý khoang miệng và Tư vấn thẩm mỹ Nha khoa (nếu | *Tặng kèm* | *Tặng kèm* |
| 7 | **Khám Phụ khoa & Khám Vú**<br>ObGyn & Breast Exam. | Khám, phát hiện các bệnh lý về Sản Phụ khoa và Vú. Tư vấn hướng điều trị (nếu có) | **N/A** | **300,000** |
| **Chẩn đoán hình ảnh - Clinical Imagings** | | | | |
| 8 | **X-quang kỹ thuật số**<br>Digital X-ray | Phát hiện và theo dõi điều trị các bệnh về Phổi | **180,000** | **180,000** |
| **Xét nghiệm - Clinical Lab Tests** | | | | |
| 9 | **Công thức máu**<br>Full Blood Count | Phát hiện các bệnh lý về máu và cơ quan tạo máu: thiếu máu, suy tủy, ung thư máu, sốt do nhiễm trùng, | **100,000** | **100,000** |
| 10 | **Đường huyết lúc đói**<br>Glucose Test | Chẩn đoán theo dõi điều trị bệnh nhân đái tháo đường, hạ đường huyết. | **45,000** | **45,000** |
| 11 | **Tổng phân tích nước tiểu**<br>Urinalysis | Các bệnh đái tháo đường, đái nhạt, nhiễm Ceton Acid, bệnh gan, thận, bệnh viêm tắc đường tiết niệu, | **65,000** | **65,000** |
| 12 | **Chức năng thận** - Kidney Functions:<br>- Creatinine.<br>- Ure | Bệnh lý về thận như thiểu năng thận, viêm cầu thận cấp tính, mãn tính. | **90,000** | **90,000** |
| 13 | **Chức năng gan** - Liver Functions:<br>- SGOT<br>- SGPT | Xét nghiệm kiểm tra chức năng dựa trên kết quả men gan | **90,000** | **90,000** |
| **Ưu đãi Tặng kèm - Add-on Values** | | | | |
| 14 | **Hồ sơ Báo cáo Y khoa**<br>Medical Reports | Hồ sơ Tổng kết quá trình khám trong đợt khám của khách hàng | *Tặng kèm* | *Tặng kèm* |
| 15 | **Bảng tổng Kết cho Công ty**<br>Corporate Health Summary | Bảng Tổng tình hình sức khỏe của Doanh nghiệp | *Tặng kèm* | *Tặng kèm* |
| **Tổng giá trị Dịch vụ** | | | **1,270,000** | **1,570,000** |
| **GIÁ ƯU ĐÃI DÀNH CHO QUÝ CÔNG TY ĐÃ BAO GỒM VAT**<br>**Đơn giá / 1 người** | | | **762,000** | **942,000** |

**VAT = 0**

*Ưu đãi đặc biệt dành cho gia đình của Nhân viên Công ty: Tất cả người nhà (vợ/chồng/con và tứ thân phụ mẫu) của Nhân viên Công ty được áp dụng giá và chương trình khám của công ty kể từ ngày khám.*